

PHỤ LỤC I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CƯ JÚT

TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (NĂM 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Trường mầm non Hoa hồng

Địa chỉ: Số 04, đường Nguyễn Đình Chiểu, TDP 3, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư
Jút, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0261.03882.809

Email: hoahongcujut@gmail.com

Website: <https://c0hoahong.pgdcujut.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Mầm non công lập

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mạng:

Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, trường chất lượng cao, cho các em bé hạnh phúc những công dân toàn cầu tương lai. Tại đây những đứa trẻ đều có cơ hội phát triển bản thân, mỗi trẻ là một cá thể riêng của mình, “tự học hỏi” năng động và sáng tạo.

Trong đó, nhà trường, giáo viên và phụ huynh đóng vai trò là những người đồng hành, hỗ trợ con trong mọi lúc. Cô giáo sẽ tôn trọng ý kiến cá nhân của các con, nhìn nhận tiềm năng của từng bé để thúc đẩy phát triển tối đa.

Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Nơi giáo viên và trẻ luôn có cơ hội phát triển tư duy sáng tạo.

Đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 và Chuẩn Quốc gia mức độ I năm học 2023-2024; đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 3 và Chuẩn Quốc gia mức độ II năm học 2027-2028.

Mục tiêu:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Hà; Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 04, đường Nguyễn Đình Chiểu, TDP 3, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 0261.03882.809

Email: hoahongcujut@gmail.com

Website: <https://c0hoahong.pgdcujut.edu.vn>

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Đội ngũ	T Số	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
TSCBGV, NV	23	19	3		1
1.CBQL	3	3			
- Hiệu trưởng	1	1			
- P Hiệu Trưởng	2	2			
2. Giáo viên	17	14	3		
3. Nhân viên	3	2			
- Văn thư	1	1			
- Kế toán	1	1			
- Bảo vệ	1				1

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024 -2025
1	CBQL		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	17	17
	Tỷ lệ	100%	100%

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 23 người đạt 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	08	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	

III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5.622m ²	23,4m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.250m ²	5,2m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	72m ²	2,3m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	72m ²	2,3m ² /trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	10,5m ²	0,35m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	20m ²	0,67m ² /trẻ
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	45,36m ²	0,9m ² /trẻ
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	68,04 m ²	2,8m ² /trẻ
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	107m ²	0,45m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		

1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	08	08 bộ/8 nhóm lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10 cái	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử đang được sử dụng phục vụ văn phòng (máy vi tính)	Tivi 09, máy vi tính 5	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	50 bóng điện 32 quạt	6 bóng điện; 04 quạt/nhóm (lớp)

Số lượng(m²)

XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	40m ²		m ²		m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá: Trường mầm non Hoa Hồng đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2.

4.2. Kết quả đánh giá ngoài:

Trường mầm non Hoa Hồng đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	
1	Tổng số lớp	08	08	
2	Tổng số trẻ	241	240	
3	Số trẻ bình quân/ nhóm (lớp)	30	30	
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	241	240	
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú, BT dân nuôi	0	0	
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	241	240	
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	85	83	
8	Số trẻ khuyết tật	0	0	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Thực hiện nghiêm đúng quy định về thu chi của bộ tài chính.
- Niêm yết và công khai của phòng kế toán.
- Chi lương và các chế độ kịp thời.

TT	Chỉ số đánh giá	Đến tháng 6/ 2024	Năm trước liên kê năm 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	3.945.000.000	3.314.318.976
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	57.930.000	53.035.000

2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		

B TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG

I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của Giáo viên	1.799.449.245	3.057.234.733
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	74.355.733	236.754.243
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	19.067.490	20.339.000
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Tiếp tục tuyên truyền, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025. Thực hiện Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ về hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Tăng cường nghiên cứu, học hỏi, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Tổ chức cho CBQL, GV dự giờ, sinh hoạt chuyên môn cụm, dự giờ học tập tại các trường trong và ngoài tỉnh.

7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm **Media quản lý trang web**

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Tăng cường ứng dụng CNTT để từng bước chuyển đổi hồ sơ giấy, sang hồ sơ điện

từ, hỗ trợ trong công tác quản lý (lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, quản lý đồ dùng, đồ chơi, quản lý đưa đón trẻ hàng ngày...) để nâng cao chất lượng quản lý điều hành hoạt động của nhà trường.

Từng bước số hóa các nội dung giáo dục để triển khai các phương tiện trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ CBQL, GV, cha mẹ trẻ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã, Zalo lớp.

Ea Tling, ngày 10 tháng 10 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Thị Hà